

Số: 03 /KH-QLTT

Phú Yên, ngày 16 tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH
Kiểm kê và tiêu hủy tài sản
là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020);

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-SCT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Sở Công Thương về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các Đội Quản lý thị trường trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-QLTTPY, Quyết định số 22/QĐ-QLTTPY ngày 28/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Yên (nay là Chi cục Quản lý thị trường) về phê duyệt Phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu số 01/PA-QLTTPY, 02/PA-QLTTPY (*Được Tổng cục Quản lý thị trường cho ý kiến đối với phương án xử lý tài sản của Cục QLTT tỉnh Phú Yên tại Công văn số 458/TCQLTT-THKHTC ngày 28/02/2025*);

Chi cục Quản lý thị trường Phú Yên xây dựng Kế hoạch kiểm kê và tiêu hủy tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (hàng hóa là hàng giả nhãn hiệu, hàng kém chất lượng, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đủ điều kiện lưu hành ...) như sau:

I. TỔ CHỨC KIỂM KÊ, TIÊU HỦY

1. Hội đồng kiểm kê, giám sát tiêu hủy

- Chi cục Quản lý thị trường Phú Yên:
- + Đại diện Lãnh đạo Chi cục Quản lý thị trường, Chủ tịch Hội đồng;
- + Đại diện các Phòng, Đội trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường có liên quan.
- Mời đại diện các sở, ngành liên quan làm thành viên
- + Sở Công Thương Phú Yên;
- + Sở Tài Chính Phú Yên;
- + Phòng Cảnh sát ĐTTP về tham nhũng kinh tế, buôn lậu và môi trường;
- + Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Phú Yên;
- + Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên;

+ Chi cục Trồng trọt và chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Môi trường Phú Yên;

+ Báo Phú Yên; Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên (đưa tin).

2. Tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu thực hiện tiêu hủy

- Tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu thực hiện tiêu hủy gồm: 293 mặt hàng hóa các loại: Bánh kẹo; Thực phẩm; Gia vị; Thực phẩm chức năng; Sữa bột; Thuốc tây; Dầu gió; Mỹ phẩm; Tăm xia răng; Đồ chơi trẻ em các loại; ... là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam, không có công bố hợp quy theo quy định, không đủ điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật.

- Tổng trị giá tài sản tiêu hủy: 2.500.473.000 đồng. *(Hai tỷ năm trăm triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn)*

(Kèm theo Danh mục tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu xử lý tiêu hủy).

3. Thời gian và địa điểm

3.1. Thời gian và địa điểm kiểm kê

- Dự kiến thời gian kiểm kê: 01 ngày, trong tháng 6/2025.

- Địa điểm kiểm kê: Tại Kho Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 177 Nguyễn Văn Linh, Phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

3.2. Thời gian và địa điểm tiêu hủy

- Dự kiến thời gian tiêu hủy: 01 ngày trong tháng 6/2025. (Sau khi kiểm kê)

- Địa điểm tiêu hủy: Tại địa điểm đơn vị thực hiện xử lý tiêu hủy.

4. Phương án tiêu hủy:

- Tổ chức lựa chọn đơn vị có đầy đủ năng lực và có tư cách pháp nhân được Nhà nước cấp phép để tổ chức tiêu hủy tài sản là tang vật vi phạm hành chính tịch thu.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Báo, Đài địa phương tổ chức kiểm kê, tiêu hủy đúng quy định pháp luật.

II. KINH PHÍ TỔ CHỨC KIỂM KÊ, TIÊU HỦY

Chi thanh toán các khoản chi phí phục vụ công tác kiểm kê, tiêu hủy; lựa chọn đơn vị để thuê tổ chức tiêu hủy và thanh toán chi phí theo đúng quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp

- Tham mưu Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thành lập Hội đồng kiểm kê và giám sát tiêu hủy tài sản là tang vật, vi phạm hành chính bị tịch thu theo Kế hoạch.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch (Tổng hợp danh sách hàng hóa; Lập biên bản kiểm kê, tiêu hủy...)

2. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Tham mưu xây dựng phương án lựa chọn đơn vị tổ chức tiêu hủy đúng quy định;

- Thanh toán các khoản chi phí phục vụ công tác kiểm kê tiêu hủy theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch kiểm kê và tiêu hủy tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu của Chi cục QLTT Phú Yên./

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Sở Công Thương;
- Sở Tài chính Phú Yên;
- Phòng CSKT, CSGT - CA tỉnh (P/hợp);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Chi cục Trồng trọt và chăn nuôi;
- Báo Phú Yên;
- Đài PT và TH Phú Yên;
- Lưu: VT, NVTH.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Phạm Xuân Lộc

DANH SÁCH TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH XỬ LÝ TIÊU HỦY
(Kèm theo Kế hoạch số 03 /KH-QLTT ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Quản lý thị trường)

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	39000057/QĐ-TT	28/11/2024	Kem hấp dưỡng tóc BNC Hiệu Karseell, loại 500ml	hũ	40	140.000	5.600.000	
2			Kem hấp tóc Collagen Hiệu Karseell, loại 500ml	bì	180	125.000	22.500.000	
3			Dập định hình Hiệu Pallamina, loại 1.000ml	bì	48	145.000	6.960.000	
4	39000058/QĐ-TT	29/11/2024	Mặt nạ miếng các loại Hiệu YUEJIIN (30 miếng/1 hộp)	hộp	300	45.000	13.500.000	
5			Sữa tắm Hiệu RAMZER loại 1L	Chai	240	45.000	10.800.000	
6			Dầu gội Hiệu OLEXRS+hairstalon loại 960mlmade in PRC	Chai	280	110.000	30.800.000	
7			Dầu xả tóc Hiệu OLEXRS+hairstalon, loại 960ml made in PRC	Chai	280	110.000	30.800.000	
8			Kem ủ tóc Hiệu KERATIN, loại 1000ml	hũ	24	80.000	1.920.000	
9			Kem đánh răng Hiệu GAOLIBAI, loại 120g	tuýp	340	37.000	12.580.000	
10			Sữa rửa mặt Hiệu SENANA, loại 60g	tuýp	2.230	10.000	22.300.000	
11			Sữa rửa mặt Hiệu HATOMUGI, loại 170g made in Japan	tuýp	140	50.000	7.000.000	
12			Sữa tắm Hiệu MU SIKORAQ, loại 500ml	chai	35	44.000	1.540.000	
13			Kem trị nám ngứa	hộp	300	40.000	12.000.000	
14			Thực phẩm chức năng (bổ sung Vitamin) Hiệu ELEVIT, loại 60 viên	Hộp	5	450.000	2.250.000	
15			Thực phẩm chức năng (siro ho) Hiệu PROSPAN, loại 100ml	Chai	10	220.000	2.200.000	
16			Gạo sữa hữu cơ Hiệu MILCHREIS, loại 500g	Gói	5	95.000	475.000	



Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
17	39000065/QĐ-TT	30/12/2024	Thực phẩm chức năng (bổ sung Canxi) Hiệu BIOISLAND, loại 150 viên made in Australia	Hộp	6	400.000	2.400.000	
18			Dầu bôi ẩm ngực Hiệu BABYBALSAM, loại 50g made in Germany	Lọ	6	120.000	720.000	
19			Mặt nạ dưỡng da Hiệu YJ, loại 25ml made in Korea	Bì	420	10.000	4.200.000	
20			Dung dịch vệ sinh Hiệu INTIMA, loại 500ml made in Poland	Chai	48	120.000	5.760.000	
21			Dung dịch vệ sinh Hiệu INTIMA, loại 200ml made in Poland	Chai	70	72.000	5.040.000	
22			Nước tẩy trang Hiệu BIODERMA, loại 500ml made in France	Chai	48	200.000	9.600.000	
23			Kem dưỡng da Hiệu KAMILL, loại 100ml made in Germany	Tuýp	60	65.000	3.900.000	
24			Kem dưỡng da Loại 80ml	Tuýp	50	46.000	2.300.000	
25			Ty ngậm Hiệu BIBS made in Denmark	Cái	20	140.000	2.800.000	
26			Sữa bột Hiệu APTAMIL, loại 800g made in New Zealand	Lon	6	620.000	3.720.000	
27			Sữa chua khô Hiệu IVENET, loại 20g	Bì	40	60.000	2.400.000	
28			Lăn khử mùi Hiệu ETIAXIL, loại 15ml	Lọ	25	136.000	3.400.000	
29			Sữa chua khô Hiệu ILDONG, loại 20g	Bì	40	40.000	1.600.000	
30			Bánh quy ăn dặm Loại 120g	Bì	20	55.000	1.100.000	
31			Thực phẩm chức năng (siro ho) Hiệu COLD & FLU, loại 30ml	Lọ	5	175.000	875.000	
32			Bộ hút dịch mũi Hiệu NASAL ASPIRATOR	Hộp	5	83.000	415.000	
33			Nước tẩy trang Hiệu BIODERMA, loại 100ml made in France	Chai	30	115.000	3.450.000	
34			Dung dịch vệ sinh Hiệu FEMFRESH, loại 250ml made in Australia	Chai	6	120.000	720.000	
35	39010052/QĐ-TT	22/11/2024	Nước hoa hiệu Liang li nu hai	hộp	480	60.000	28.800.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
36	39000001/QĐ-TT	07/01/2025	Kẹo mềm trái cây vị xoài Hiệu Coowy, loại 500g made in China	bì	60	70.000	4.200.000	
37			Kẹo mềm trái cây vị xoài Hiệu Coowy, loại 280g made in China	bì	1.992	40.000	79.680.000	
38			Kẹo mềm trái cây hỗn hợp Hiệu Coowy, loại 280g made in China	bì	2.112	40.000	84.480.000	
39			Kẹo ngậm trái cây Hiệu Fumeiduo - MINT, loại 2.5kg/bì	bì	30	170.000	5.100.000	
40	39000004/QĐ-TT	15/01/2025	Kẹo táo đỏ kẹp sữa và nhân hạt điều hiệu PAOFU, loại 300g/hộp	hộp	720	30.000	21.600.000	
41			Kẹo táo đỏ kẹp sữa và nhân hạt điều	kg	240	80.000	19.200.000	
42			Bim bim các loại	kg	500	25.000	12.500.000	
43	39000005/QĐ-TT	15/01/2025	Táo tàu khô hiệu JIACHENYOU PIN made in China	Kg	2.000	75.000	150.000.000	
44			Táo tàu khô hiệu JIACHENYOU PIN, loại AAA made in China	Kg	1.000	70.000	70.000.000	
45			Kẹo táo đỏ kẹp sữa và nhân hạt điều	Kg	1.000	80.000	80.000.000	
46	39000006/QĐ-TT	16/01/2025	Thức ăn cho chó mèo hiệu Freeze-Dried, loại 200g made in China	gói	2.040	85.000	173.400.000	
47			Thức ăn cho chó mèo hiệu Freeze-Dried, loại 80g made in China	gói	2.265	40.000	90.600.000	
48			Thức ăn cho chó mèo hiệu Freeze-Dried, loại 45g made in China	gói	560	25.000	14.000.000	
49			Thức ăn cho chó mèo hiệu Freeze-Dried, loại 20g made in China	gói	440	15.000	6.600.000	
50			Thức ăn cho chó mèo hiệu Freeze-Dried, loại 18g made in China	gói	3.300	10.000	33.000.000	
51			Thức ăn cho chó mèo hiệu Freeze-Dried, loại 12g made in China	gói	880	8.000	7.040.000	
52	39000003/QĐ-XP HC	16/01/2025	Hạt hướng dương loại 500g	bì	35	45.000	1.575.000	
53			Sữa tắm các loại loại 500ml	chai	120	48.000	5.760.000	
54			Dầu gội loại 450ml	chai	120	65.000	7.800.000	
55			Táo đỏ loại 0,8kg made in China	bì	150	30.000	4.500.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
56	39000007/QĐ-TT	23/01/2025	Bún gạo loại 400g	bì	760	40.000	30.400.000	
57			Bún gạo loại 380g	bì	1.200	38.000	45.600.000	
58			Bún gạo loại 300g	bì	2.340	30.000	70.200.000	
59			Bún gạo loại 180g	hộp	2.520	20.000	50.400.000	
60			Son môi loại 5ml, hiệu Flower Knows made in China	cây	164	125.000	20.500.000	
61			Son môi các loại loại 3.5g, hiệu Flower Knows made in China	cây	329	140.000	46.060.000	
62			Phấn má hồng các loại loại 5g, hiệu Flower Knows made in China	hộp	790	280.000	221.200.000	
63			Phấn má hồng các loại made in China	hộp	288	130.000	37.440.000	
64			Phấn mắt các loại loại 6.5g, hiệu Flower Knows made in China	hộp	564	170.000	95.880.000	
65			Phấn mắt các loại loại 10.5g, hiệu Flower Knows made in China	hộp	88	190.000	16.720.000	
66	39000008/QĐ-TT	24/01/2025	Dung dịch dưỡng ẩm hiệu VANESSA MATTIA, loại 300ml	chai	400	80.000	32.000.000	
67			Bột ớt loại 3kg/bì	bì	6	180.000	1.080.000	
68			Bột muối tiêu hiệu Qia Shi Xiang, loại 840g	hộp	20	90.000	1.800.000	
69			Sữa bột hiệu Similac, loại 198g	lon	18	260.000	4.680.000	
70			Sữa bột hiệu Ensure, loại 400g	lon	10	285.000	2.850.000	
71			Sữa bột hiệu neocate-junior, loại 400g	lon	10	630.000	6.300.000	
72			Sữa bột hiệu Pedia Sure, loại 400g	lon	60	300.000	18.000.000	
73			Sữa bột hiệu Enfamil, loại 204g	lon	30	350.000	10.500.000	
74			Sữa bột hiệu EleCare, loại 400g	lon	42	510.000	21.420.000	
75			Sữa bột hiệu Alfamino, loại 400g	lon	6	490.000	2.940.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
76			Sữa bột hiệu Similac, loại 1,13kg	hộp	5	1.080.000	5.400.000	
77			Sữa nước hiệu Enfagow, loại 237ml	chai	45	50.000	2.250.000	
78			Bánh ăn dặm các loại hiệu Gerber, loại 42g	hộp	23	46.000	1.058.000	
79			Sốt trộn salad hiệu Hidden Valley, loại 1,18l	chai	4	270.000	1.080.000	
80			Kem đánh răng hiệu Crest, loại 178g	tuýp	30	80.000	2.400.000	
81			Siro hỗ trợ tiêu hóa hiệu Pepto Bismol, loại 1062ml	chai	6	110.000	660.000	
82			Kem dưỡng da hiệu OLAY, loại 48g	hộp	15	260.000	3.900.000	
83			Dầu cá cho chó, mèo hiệu Zesty paws, loại 946ml	chai	20	380.000	7.600.000	
84			Nước uống tinh chất nghệ tây hiệu Qunol, loại 900ml	hộp	2	750.000	1.500.000	
85			Kẹo ngậm các loại hiệu Ricola, loại 45 viên/bì	bì	25	60.000	1.500.000	
86			Bánh ngũ cốc hiệu Imperial, loại 125 cái/bì product of Taiwwan	bì	5	400.000	2.000.000	
87			Tinh chất dưỡng tóc hiệu BABE ORIGINAL, loại 50g made in USA	chai	30	90.000	2.700.000	
88			Kẹo sô cô la các loại hiệu GHIRARDELL, loại 178.5g	bì	38	135.000	5.130.000	
89			Kem dưỡng da hiệu OLAY- PRO ADVANCED loại 48g	hũ	4	400.000	1.600.000	
90			Kẹo ngậm hiệu VICKS-VapoCOOL, loại 200 viên/bì	bì	5	400.000	2.000.000	
91			Kẹo sô cô la các loại hiệu HERSHEY'S, loại 263g	bì	29	125.000	3.625.000	
92			Sữa rửa mặt hiệu CeraVe, loại 473ml made in USA	chai	7	270.000	1.890.000	
93			Kẹo sô cô la các loại hiệu FERRERO ROCHER, loại 76g made in Canada	hộp	108	90.000	9.720.000	
94			Kẹo sô cô la các loại hiệu FERRERO ROCHER, loại 150g made in Canada	hộp	210	150.000	31.500.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
95	39000009/QĐ-TT	24/01/2025	Tăm xia răng hiệu G.U.M, loại 180 cái/vi made in Germany	vi	7	300.000	2.100.000	
96			Bánh ngũ cốc hiệu PEANUT BUTTER, loại 300g product of USA	hộp	7	210.000	1.470.000	
97			Đồ chơi trẻ em (hình xe ô tô) made in China	cái	360	35.000	12.600.000	
98			Thực phẩm chức năng (Collagen thủy phân) hiệu Puritan's Pride - Hydrolyzed collagen, loại 180 viên/hộp	hộp	14	360.000	5.040.000	
99			Thực phẩm chức năng (Viên uống tinh chất lựu) hiệu Puritan's Pride-Pomegranate Extract, loại 250mg/hộp	hộp	3	240.000	720.000	
100			Thực phẩm chức năng (Viên uống tinh dầu hoa anh đào) hiệu Puritan's Pride - Evening Primrose oil, loại 1300mg/hộp	hộp	3	180.000	540.000	
101			Thực phẩm chức năng (Viên uống hỗ trợ dạ dày) hiệu Puritan's Pride - Turmeric, loại 400mg/hộp	hộp	8	150.000	1.200.000	
102			Thực phẩm chức năng (Thuốc giảm đau, hạ sốt) hiệu Advil - Ibuprofen Tablets, loại 200mg	hộp	7	380.000	2.660.000	
103			Thực phẩm chức năng (Viên uống hỗ trợ giải độc gan) hiệu Puritan's Pride - Milk Thistle Extract, loại 1000mg/hộp	hộp	5	410.000	2.050.000	
104			Thực phẩm chức năng (Viên uống bổ sung Vitamin) hiệu Nature Made - Prenatal, loại 150 viên/hộp	hộp	80	310.000	24.800.000	
105			Thực phẩm chức năng (Dầu cá Omega 3) hiệu Pure Alaska Omege - Wild Alaskan Salmon Oil, loại 1000mg	hộp	3	440.000	1.320.000	
106			Thực phẩm chức năng (Viên uống bổ sung vitamin) hiệu Nature's Buonty - I M MUNE, loại 1000mg/hộp	hộp	3	400.000	1.200.000	
107			Viên kẹo dẻo gừng hiệu QUNOL Gummies - Turmeric + Ginger, loại 500mg/hộp	hộp	5	800.000	4.000.000	
108			Thực phẩm chức năng (Viên uống bổ não) hiệu Trunature - GINKGO BILOBA, loại 340 viên/hộp	hộp	20	430.000	8.600.000	
109			Thực phẩm chức năng (Viên uống Vitamin C) hiệu KIRKLAND - CHEWABLE C, loại 500mg/hộp	hộp	4	440.000	1.760.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
110			Thực phẩm chức năng (Viên Vitamin tổng hợp) hiệu KIRKLAND - DAILY MULTI, loại 500 viên/hộp	hộp	19	420.000	7.980.000	
111			Thực phẩm chức năng (Viên uống bổ sung Vitamin) hiệu KIRKLAND - MATURE MULTI, loại 400 viên/hộp	hộp	5	485.000	2.425.000	
112			Thực phẩm chức năng (Viên uống bổ sung Canxi) hiệu CITRACAL - CALCIUM SUPPLEMENT, loại 280 viên/hộp	hộp	15	400.000	6.000.000	
113			Dầu gió xanh hiệu EAGLE BRAND MEDICATED OIL, loại 24ml/hộp made in Singapore	hộp	864	60.000	51.840.000	
114			Dầu gió vàng hiệu LONGEVITY - ESENTIAL OIL, loại 21ml/hộp made in USA	hộp	360	130.000	46.800.000	
115			Thuốc giảm đau hiệu TYLENOL - Acetaminophen, loại 225 viên/hộp	hộp	27	400.000	10.800.000	
116			Thuốc trị ho dành cho trẻ em hiệu Genexa - medicine made clean, loại 4fl oz (118ml) made in the USA	hộp	18	450.000	8.100.000	
117			Thuốc ho dành cho trẻ em hiệu Hyland's Kids - Cough & Mucus Combo Pack, loại TWO - 4FL.OZ (118ml) Bottles	hộp	6	350.000	2.100.000	
118			Lăn khử mùi hiệu POLO -RALPH LAUREN BLUE, loại 75ml	chai	20	250.000	5.000.000	
119			Gel khử mùi nữ hiệu Secret, loại 73g	chai	5	80.000	400.000	
120			Bộ đồ chơi trang điểm trẻ em made in China	cái	94	110.000	10.340.000	
121	39000011/QĐ-TT	05/02/2025	Xúc xích các loại hiệu YUEBAIHUI, (1 bì = 50 cái)	bì	102	75.000	7.650.000	
122			Kẹo ô mai hiệu JuesVilla - Colorful Plum, loại 408g/bì	bì	1.560	25.000	39.000.000	
123			Bánh quy hiệu K-ENERGY, loại 300g made in China	bì	720	40.000	28.800.000	
124	39000012/QĐ-TT	10/02/2025	Thịt khô xé sợi tẩm gia vị	kg	25	250.000	6.250.000	
125			Nước uống collagen hiệu KOJA, loại 100ml/chai made in Korea	chai	300	25.000	7.500.000	
126	39000013/QĐ-TT	12/02/2025	Giàn phun viên nhấp nháy (Pháo) hiệu ZPYRO-FOUNCAIN, loại 20 ống/hộp	Hộp	108	350.000	37.800.000	



Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
127	39010001/QĐ-TT	03/01/2025	Rượu hiệu BLACK Special, loại 700ml-40%vol	chai	216	70.000	15.120.000	
128			Tinh dầu khuếch tán hiệu dishixuan	hộp	190	50.000	9.500.000	
129	39010002/QĐ-TT	03/01/2025	Đồ chơi trẻ em (xe công trình) hiệu XIABAOTOYS	Túi	22	40.000	880.000	
130			Đồ chơi trẻ em (mô hình khủng long) hiệu XIN HUANG QI	Túi	15	30.000	450.000	
131			Đồ chơi trẻ em (xe cứu hỏa) hiệu TONGLV	Cái	55	55.000	3.025.000	
132			Đồ chơi trẻ em (đội bảo vệ chó) hiệu ZHAN LI TOYS	Vi	4	30.000	120.000	
133			Đồ chơi trẻ em (búp bê hình em bé) hiệu DONGSHENG FENG TOYS	Cái	6	150.000	900.000	
134			Bộ đồ chơi trẻ em (đàn piano) hiệu XIN LE TOYS made in China	Bộ	4	350.000	1.400.000	
135			Loa hiệu BMB, loại CSX-850 made in China	Bộ	3	1.000.000	3.000.000	
136	39010003/QĐ-TT	08/01/2025	Kẹo táo đỏ kẹp sữa hiệu PAOFU, loại 300g/hộp	hộp	90	30.000	2.700.000	
137			Táo đỏ sấy khô hiệu Boeun Jujube, loại 1000g	hộp	100	80.000	8.000.000	
138			Táo đỏ sấy khô hiệu HETIAN HONGZAO, loại 1kg	bì	90	60.000	5.400.000	
139	39010004/QĐ-TT	08/01/2025	Gel dưỡng môi hiệu Mỹ Hương beauty	hộp	30	45.000	1.350.000	
140			Cao sẹo hiệu Queen Eva	hộp	10	54.000	540.000	
141			Bột tẩy xoăn hiệu SATO, loại 100g made in Japan	hộp	10	100.000	1.000.000	
142			Miếng mút rửa mặt hiệu CHIVEY	bì	1.200	6.000	7.200.000	
143			Mặt nạ miếng hiệu BIOAQUA, loại 28g/bì	bì	480	5.000	2.400.000	
144			Gel tẩy tế bào chết hiệu ROYAL, loại 300g	tuýp	10	40.000	400.000	
145			Mặt nạ dạng bột các loại loại 1kg	bì	30	60.000	1.800.000	
146			Kẹo trái cây hiệu Sweet Originals, loại 200g	hộp	18	55.000	990.000	
147			Kẹo sô cô la hiệu Takaoka	bì	12	110.000	1.320.000	
148			Kẹo sô cô la hiệu Cupido, loại 250g	hộp	12	150.000	1.800.000	
149			Kẹo sô cô la hiệu Cupido, loại 125g	hộp	16	150.000	2.400.000	
150			Kẹo sô cô la hiệu Raffaello, loại 150g	hộp	6	120.000	720.000	
151			Kẹo sô cô la đồng tiền loại 100g	bì	20	50.000	1.000.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
152			Thạch rau câu các loại hiệu YUKI&LOVE Product of Taiwan	hộp	40	150.000	6.000.000	
153			Thạch rau câu các loại hiệu JIN JIN made in Taiwan	bì	10	90.000	900.000	
154			Kẹo dẻo (hình hamburger) hiệu GUMMY	kg	8	100.000	800.000	
155			Bánh ống sô cô la	kg	70	80.000	5.600.000	
156			Kem masage mặt hiệu RAINGLASS, lọ 500ml	hũ	48	60.000	2.880.000	
157			Ủ trắng mặt hiệu Oleo White	bì	50	30.000	1.500.000	
158			Nước hoa hồng hiệu RAINGLASS, lọ 1000ml	chai	24	85.000	2.040.000	
159			Sữa rửa mặt hiệu RAINGLASS, lọ 1000ml	chai	24	85.000	2.040.000	
160	39010007/QĐ-TT	10/01/2025	Nước ngọt đóng lon hiệu cocacola, loại 160ml	Lon	900	12.000	10.800.000	
161	39010008/QĐ-TT	14/01/2025	Bột kẹo đá loại 1kg/bì	bì	480	70.000	33.600.000	
162	39010010/QĐ-TT	21/01/2025	Sữa bột hiệu Pedia Sure, loại 850g	hộp	4	630.000	2.520.000	
163			Sữa bột hiệu Aptamil, loại 800g	hộp	6	600.000	3.600.000	
164			Sữa hiệu Nestle, loại 140ml	hộp	96	12.000	1.152.000	
165			Nước uống đông trùng hạ thảo hiệu KANG'S FOOD, loại 100ml made in Korea	chai	80	10.000	800.000	
166			Gel dưỡng tóc hiệu AH SILK, loại 500ml	chai	30	110.000	3.300.000	
167			Viên nấu cà ri hiệu House	hộp	2	60.000	120.000	
168			Viên sốt cà chua hiệu House	hộp	2	60.000	120.000	
169			Viên nấu cà ri vị táo và mật ong hiệu House	hộp	3	60.000	180.000	
170			Viên cà ri cô đặc hiệu House	hộp	6	60.000	360.000	
171			Sốt thịt bò hiệu S&B - DINNER, loại 200g	hộp	2	75.000	150.000	
172			Sốt thịt bò loại 180g	hộp	2	75.000	150.000	
173			Sốt đậu hũ tứ xuyên các loại	hộp	9	80.000	720.000	
174			Sốt kem ăn liền hiệu House, 10 viên/hộp	hộp	4	75.000	300.000	
175			Sốt cà ri vàng loại 180g	hộp	11	75.000	825.000	
176			Nguyên liệu làm sữa chua hiệu House, loại 200g	hộp	7	60.000	420.000	
177			Sủi cảo/há cảo	hộp	7	100.000	700.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
178			Sốt các loại hiệu DONBURI, loại 210g	hộp	24	75.000	1.800.000	
179			Sốt các loại hiệu meiji, loại 180g	hộp	18	75.000	1.350.000	
180			Sốt mỳ hiệu Welna, loại 140g	hộp	13	90.000	1.170.000	
181			Cà ri thịt lợn hiệu CURRY HOUSE, loại 220g	hộp	6	75.000	450.000	
182			Cà ri rau củ quả loại 180g	hộp	5	70.000	350.000	
183			Gia vị rắc cơm các loại loại 134g	hộp	12	75.000	900.000	
184			Thuốc trị táo bón loại 30g/cái, (1 hộp = 02 cái)	hộp	9	20.000	180.000	
185			Bánh gạo loại 188g	bì	8	40.000	320.000	
186			Bánh nhân sô cô la hiệu LOTTE, loại 73g	hộp	6	45.000	270.000	
187			Bánh quy hiệu MORINAGA, loại 12 cái/hộp	hộp	5	45.000	225.000	
188			Bánh quy hiệu Asahi, loại 36g	bì	6	30.000	180.000	
189			Bánh quy kem hiệu glico, loại 20,6g	hộp	6	30.000	180.000	
190			Bim bim bắp non hiệu TONGARI CORN, loại 68g	hộp	4	50.000	200.000	
191			Bim Bim khoai tây hiệu Calbee, loại 57g	hộp	12	20.000	240.000	
192			Sét 2 chén ăn dặm cho bé hiệu WAKODO, (1 hộp = 2 chén)	hộp	42	60.000	2.520.000	
193			Bột chiên sẵn hiệu OTAFUKU, loại 120g	bì	3	45.000	135.000	
194			Bột làm bánh hiệu MORINAGA, loại 150g	bì	2	15.000	30.000	
195			Bột mè thơm loại 55g	bì	2	50.000	100.000	
196			Bột vừng/mè loại 60g	bì	60	50.000	3.000.000	
197			Cá đóng hộp hiệu BURI-DAIKON, loại 170g	hộp	2	20.000	40.000	
198			Cá đóng hộp hiệu CHOSITA NO KABAYAKI, loại 100g	hộp	4	20.000	80.000	
199			Cá hồi đóng hộp hiệu MARUHA NICHIRO, loại 180g	hộp	2	20.000	40.000	
200			Cá ngừ đóng hộp hiệu Hagoromo, loại 17,2g	hộp	33	20.000	660.000	
201			Cà phê hòa tan hiệu Nescafe, loại 8 hộp/bì	bì	3	90.000	270.000	
202			Chả rong biển hiệu Eco	bì	2	90.000	180.000	
203			Cháo hiệu AJINOMOTO, loại 250g	bì	2	5.000	10.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
204	39010011/QĐ-	27/01/2025	Cháo cá hồi loại 180ml	bì	6	20.000	120.000	
205			Cơm đóng hộp hiệu Pigeon, loại 90g/hộp, (1 bì = 6 hộp)	bì	10	20.000	200.000	
206			Cơm trắng ăn liền loại 200g	hộp	9	20.000	180.000	
207			Dấm hoa quả	chai	2	20.000	40.000	
208			Dầu hào hiệu LEE KUM KEE, loại 95g	tuýp	10	15.000	150.000	
209			Dầu mè loại 130g	chai	2	40.000	80.000	
210			Gia vị chiên cơm loại 99g/gói, (1 bì = 2 gói)	bì	8	25.000	200.000	
211			Gia vị chiên cơm vị thịt heo	bì	3	20.000	60.000	
212			Gia vị nấu ăn loại 600ml	chai	3	25.000	75.000	
213			Gia vị nấu súp	bì	6	15.000	90.000	
214			Gia vị rắc cơm loại 45g	bì	4	15.000	60.000	
215			Gia vị rắc cơm loại 29g	bì	5	20.000	100.000	
216			Gia vị rắc cơm loại 4g/gói	bì	4	15.000	60.000	
217			Gia vị rắc cơm loại 34,8g (5,8gx6 gói)	bì	2	15.000	30.000	
218			Gia vị rắc cơm các loại	bì	20	15.000	300.000	
219			Giấm	bì	10	10.000	100.000	
220			Gói gia vị nấu lẩu 6 viên/bì	bì	9	30.000	270.000	
221			Hành khô loại 9g	bì	2	5.000	10.000	
222			Hạt nêm gia vị hiệu NO.1	bì	6	20.000	120.000	
223			Hạt ngũ cốc các loại hiệu MIX NUTS, loại 145g	bì	3	50.000	150.000	
224			Kem dưỡng da hiệu SANA, loại 180ml made in Japan	bì	5	120.000	600.000	
225			Kẹo hiệu Sato	bì	2	25.000	50.000	
226			Kẹo dẻo hiệu BANDAI, loại 10 gói/bì	hộp	8	70.000	560.000	
227			Kẹo dẻo hiệu Kasugai	bì	5	15.000	75.000	
228			Kẹo mềm loại 88g	bì	2	25.000	50.000	
229			Kẹo sữa hiệu atrion, loại 28g	hộp	4	10.000	40.000	
230	39010011/QĐ-	27/01/2025	Kẹo sữa hiệu SAKUM-ICHIGO, loại 83g	bì	5	25.000	125.000	



Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
231	TT		Kẹo vị nho hiệu kracie	bì	6	10.000	60.000	
232			Khoai tây chiên hiệu Calbee-Jagabee	hộp	5	30.000	150.000	
233			Mỳ ăn liền loại 100g/hộp	hộp	3	15.000	45.000	
234			Mỳ sợi	bì	2	25.000	50.000	
235			Mỳ trẻ em các loại	bì	24	2.000	48.000	
236			Miến xào loại 137g	bì	2	10.000	20.000	
237			Miến xào loại 65g	bì	2	10.000	20.000	
238			Mực đóng hộp loại 80g	hộp	2	25.000	50.000	
239			Mỳ ăn liền các loại loại 100g/gói, (1 bì =5 gói)	bì	13	40.000	520.000	
240			Mỳ ăn liền hiệu TOYO SUISAN, loại 112g/gói, (1 bì = 5 gói)	bì	2	40.000	80.000	
241			Mỳ ăn liền hiệu NISSIN, loại 85g/gói, (1 bì = 5 gói)	bì	5	40.000	200.000	
242			Mỳ ăn liền hiệu ZUBAAAN!, loại 125g/gói, (1 bì = 3 gói)	bì	3	25.000	75.000	
243			Mỳ ly ăn liền hiệu NISSIN, loại 107g	hộp	2	15.000	30.000	
244			Mỳ ly ăn liền hiệu CUP NOODLE, loại 78g	hộp	6	15.000	90.000	
245			Mỳ ly ăn liền hiệu CUP NOODLE- CURRY, loại 87g	hộp	11	15.000	165.000	
246			Mỳ ly ăn liền hiệu POKÉMON NOODLE, loại 38g	hộp	4	15.000	60.000	
247			Mỳ ly ăn liền hiệu NISSIN, loại 96g	hộp	2	15.000	30.000	
248			Mỳ sợi loại 164g	bì	5	20.000	100.000	
249			Mỳ sợi hiệu MARUTAI, loại 186g	bì	6	30.000	180.000	
250			Mỳ sợi hiệu MARUTAI, loại 185g	bì	3	30.000	90.000	
251			Mỳ sợi hiệu NISSIN, loại 30g/gói, (1 bì = 3 gói)	bì	3	25.000	75.000	
252			Mỳ xào hiệu NISSIN, loại 100g/gói, (1 bì=6 gói)	bì	6	40.000	240.000	
253			Mỳ xào loại 120g	hộp	26	15.000	390.000	
254			Mỳ xào hiệu NISSIN, loại 128g	hộp	8	15.000	120.000	
255			Mỳ ý hiệu Welna, loại 500g	bì	8	50.000	400.000	

Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
256			Nước cà chua nguyên chất hiệu KAGOME, loại 720ml	chai	14	20.000	280.000	
257			Nước rửa tay hiệu BATH&BODY WORKS, loại 236ml	chai	5	100.000	500.000	
258			Nước sốt hiệu mizkan, loại 1L	chai	3	40.000	120.000	
259			Nước sốt hiệu TASTY, loại 210ml	chai	2	25.000	50.000	
260			Nước sốt loại 62g	bì	12	15.000	180.000	
261			Nước sốt các loại hiệu Pigeon, loại 100g	bì	50	15.000	750.000	
262			Nước sốt rau củ quả hiệu Bull-Dog, loại 300ml	chai	2	30.000	60.000	
263			Nước súp cá ngừ hiệu mizkan	bì	4	30.000	120.000	
264			Nước tương hiệu kikkoman product of Japan	chai	2	35.000	70.000	
265			Nước tương loại 500ml	chai	4	25.000	100.000	
266			Rong biển vị sò điệp hiệu Eco	bì	3	20.000	60.000	
267			Rong biển vị sò điệp hiệu TONO	bì	3	20.000	60.000	
268			Rượu mận hiệu CHOYA, loại 1000ml	hộp	10	300.000	3.000.000	
269			Salad rong biển hiệu yamanaka, loại 46g	bì	2	20.000	40.000	
270			Sốt bánh xèo hiệu OTAFUKU, loại 500g	chai	4	25.000	100.000	
271			Sốt cà tím xào thịt hiệu kikkoman, loại 145g	bì	7	15.000	105.000	
272			Sốt cua viên loại 116,6g	bì	3	20.000	60.000	
273			Sốt đậu nành loại 450ml	chai	4	25.000	100.000	
274			Sốt hải sản loại 300g	hộp	2	35.000	70.000	
275			Sốt mì hiệu S&B	bì	15	20.000	300.000	
276			Sốt mỳ loại 25g/gói, (1 bì = 2 gói)	bì	7	20.000	140.000	
277			Sốt mỳ hiệu welna, loại 56g	bì	3	20.000	60.000	
278			Sốt nước tương hiệu Nippon	bì	3	15.000	45.000	
279			Sốt thịt băm hiệu KAGOME, loại 295g	hộp	4	30.000	120.000	
280			Sốt thịt heo loại 360g	bì	2	30.000	60.000	
281			Sốt thịt và khoai tây	bì	5	20.000	100.000	



Số TT	Số Quyết định	Ngày tháng	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
282			Sốt tương cà hiệu KAGOME	chai	4	25.000	100.000	
283			Sữa tắm hiệu AROMA, loại 295ml	chai	10	200.000	2.000.000	
284			Súp cá môi hiệu WAKODO, loại 100g	bì	20	15.000	300.000	
285			Súp miso hiệu SHINSYU-ICHI MISO, loại 155,2g	bì	3	20.000	60.000	
286			Tàu hũ ki hiệu MISUZU, kích thước: 5x8cm	bì	3	20.000	60.000	
287			Thạch trái cây	hộp	5	30.000	150.000	
288			Thịt gà đóng hộp hiệu HOTEL, loại 75g	hộp	2	20.000	40.000	
289			Thực phẩm bổ sung hiệu CalorieMate	hộp	60	65.000	3.900.000	
290			Thực phẩm chức năng bổ sung đạm hiệu MORINAGA-PROTEIN, loại 180g	bì	6	30.000	180.000	
291			Thực phẩm đóng hộp	hộp	5	20.000	100.000	
292			Tinh bột khoai tây loại 200g	bì	4	15.000	60.000	
293			Mì sợi	bì	2	15.000	30.000	
TỔNG CỘNG							2.500.473.000	